

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ CÔNG KHAI, MINH BẠCH VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

PHẠM THỊ GIANG THU *
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO **

Tóm tắt: Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đang là xu hướng phát triển tất yếu trong quản trị nhà nước, trong đó có quản trị doanh nghiệp nhà nước. Vấn đề này trở nên quan trọng trước thực trạng hàng loạt doanh nghiệp nhà nước hoạt động yếu kém, gây thất thoát số lượng lớn tài sản nhà nước. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, trong đó có sự chưa hoàn thiện của pháp luật. Bài viết phân tích một số hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước, trên cơ sở đó đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện về phạm vi nội dung công khai, trách nhiệm giải trình cũng như nhận diện đủ hành vi vi phạm.

Từ khóa: Công khai; minh bạch; trách nhiệm giải trình; pháp luật; doanh nghiệp nhà nước
Nhận bài: 18/4/2023 Hoàn thành biên tập: 31/01/2024 Duyệt đăng: 31/01/2024

IMPROVING REGULATIONS ON PUBLICATION, TRANSPARENCY AND ACCOUNTABILITY OF STATE-OWNED ENTERPRISES

Abstract: Publication, transparency and accountability are inevitable development trends in state governance, including governance of state-owned enterprises. This issue becomes even more important as a series of state-owned enterprises operate poorly, causing a large loss of state assets. There are many reasons leading to this situation, including some failings of the law. This paper analyses several limitations and inadequacies in the legal regulations on publication, transparency and accountability of state-owned enterprises, and on that basis makes a number of proposals to improve the content, accountability as well as full identifying violations.

Keywords: Publicity; transparency; accountability; legal regulations; state-owned enterprises
Received: 18 April 2023; Editing completed: 31 January 2024; Accepted for publication: 31 January 2024

1. Quan niệm về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước

Trong hơn hai thập kỉ gần đây, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước và phòng chống tham nhũng được các quốc gia trên thế giới

đặc biệt quan tâm. Đây được coi là một trong những biện pháp phòng ngừa cơ bản nhất trong Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC)¹ với sự tham gia của hầu hết các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Hiểu theo nghĩa chung nhất, công khai là “sự phổ biến rộng rãi hoặc trưng bày ra

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: giangthu.tcnh@gmail.com
** Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: thaonp7891@gmail.com

¹ Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, <https://tttp.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tttp/chi-tiet-dieu-uoc?dDocName=TAND024661>, truy cập 29/01/2024.

*cộng đồng, công chúng, xã hội đều có thể biết, có thể sử dụng thông tin đó*² còn minh bạch là “*sự rõ ràng, rành mạch*”³. Trong quản trị nhà nước, công khai “*theo nghĩa ban đầu là công bố thông tin của nhà nước*”⁴. Theo đó, “*mọi hoạt động của nhà nước phải được công bố hoặc phổ biến, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, làm cho mọi người có thể tiếp cận được một cách dễ dàng*”⁵. Minh bạch nghĩa là không những phải công khai mà còn phải trong sáng, không khuất tất, không rắc rối, gây khó khăn cho công dân trong tiếp cận thông tin. Nói cách khác, công khai, minh bạch được coi là một trong những phương thức hạn chế quyền lực nhà nước từ bên ngoài. Nhà nước với tư cách là chủ thể của quyền lực công phải công khai, minh bạch hoạt động của mình cho toàn thể xã hội và công chúng biết. Trong khi đó, trách nhiệm

giải trình là nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin về các quyết định, hoạt động của mình và giải thích, biện minh cho các quyết định, hoạt động đó với công chúng. Như vậy, có thể nhận thấy, trong quản trị nhà nước, giữa công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình có mối quan hệ qua lại⁶. Trong đó, công khai được sử dụng như một hoạt động của các chủ thể, đó là hình thức công bố thông tin còn minh bạch chỉ trạng thái biểu hiện rõ ràng ra bên ngoài. Công khai là phương thức thực hiện để hướng tới sự minh bạch, đồng nghĩa với việc muốn đạt được sự minh bạch đòi hỏi cần phải công khai. Để đảm bảo minh bạch, ngoài việc tăng cường các biện pháp công khai còn đòi hỏi thực hiện trách nhiệm giải trình. Tóm lại, “*công khai, minh bạch đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện và thúc đẩy người dân tham gia quản lý nhà nước và đòi hỏi trách nhiệm giải trình của các cơ quan, công chức nhà nước*”⁷.

Với cùng quan điểm như vậy, nhà làm luật Việt Nam đã quy định tại các khoản 4, 5 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018: “*Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là việc công bố, cung cấp thông tin, giải trình về tổ chức bộ máy, việc thực hiện nhiệm vụ,*

² Nguyễn Thị Minh Hà, Hà Thị Hằng (2019), “Pháp luật về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước và phòng chống tham nhũng trên thế giới và Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 254.

³ Hoàng Phê (2020), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Viện Ngôn ngữ học, tr. 801.

⁴ Đặng Minh Tuấn (2019), *Lí luận cơ bản về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng*, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước và phòng chống tham nhũng trên thế giới và Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 18.

⁵ Nguyễn Văn Tiếc (2013), *Hoàn thiện thể chế về công khai, minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước*, https://tcnn.vn/news/detail/4562/Hoan_thien_the_che_ve_cong_khai_minh_bach_trong_quan_ly_hanh_chinh_nha_nuocall.html, truy cập 10/4/2023.

⁶ Xem thêm: Phạm Duy Nghĩa, *Trách nhiệm giải trình: vươn tới những chuẩn mực của một nền hành chính phục vụ phát triển*, https://fspm.fulbright.edu.vn/cache/MPP7-542-R06V-Trach%20nhiem%20giai%20trinh_Vuon%20toi%20nhung%20chuan%20muc%20cua%20mot%20nen%20hanh%20chinh%20phuc%20vu%20phat%20trien--Pham%20Duy%20Nghia-2015-07-07-10522148.pdf, truy cập 29/01/2024.

⁷ Đặng Minh Tuấn (2019), *tídd*, tr. 23.

quyền hạn và trách nhiệm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị” và “Trách nhiệm giải trình là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về quyết định, hành vi của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao”. Xuyên suốt tinh thần các điều khoản của Luật này đều cho thấy tư tưởng chủ đạo xác định Nhà nước với tư cách là một thiết chế quyền lực công do nhân dân lập ra, phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và phải thông tin, giải thích cho người dân biết về tổ chức và hoạt động của mình. Với tư cách là tổ chức thuộc khu vực nhà nước⁸, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được xác định là một trong những chủ thể phải đảm bảo công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Có thể hiểu, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của DNNN là việc DNNN phải công bố, cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp mình và có trách nhiệm làm rõ thông tin, giải thích kịp thời những thông tin đó.

Để đảm bảo công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của DNNN nói riêng và trong quản trị nhà nước nói chung, nhiệm vụ quan trọng đầu tiên là phải luật hoá, biến yêu cầu thành các quy định pháp luật ở nhiều cấp độ. Chỉ khi trở thành những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc và được đảm bảo bằng cưỡng chế nhà nước, các chủ thể mới có “động lực” để thực hiện.

Thực tiễn tại Việt Nam, công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng đã được

Đảng và hệ thống chính trị triển khai nhưng có thể nói, trong hơn 10 năm trở lại đây, công tác này được thực hiện quyết liệt, bắt đầu bằng việc Hội nghị Trung ương 5 khóa XI thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư làm Trưởng ban. Đảng và hệ thống chính trị coi công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình là công cụ phòng ngừa tham nhũng đầu tiên và quan trọng bậc nhất. Điều này thể hiện rõ trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được thay thế bằng Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018) và Luật Tiếp cận thông tin năm 2014. Tuy nhiên, đây chỉ là hai đạo luật chung, mang tính nền tảng, đòi hỏi từng ngành, lĩnh vực phải cụ thể hóa bằng những quy định riêng, phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực của mình. Trong thời gian qua, việc xét xử hàng loạt các vụ án làm thất thoát tài sản nhà nước dưới nhiều hình thức xảy ra tại các doanh nghiệp nhà nước như Tổng công ty Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)⁹, Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)¹⁰, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC)¹¹...

⁹ Nguyễn Hương (2021), *Xét xử vụ án “đất vàng” Sabeco: Ông Vũ Huy Hoàng bị đề nghị 10-11 năm tù*, <https://nld.com.vn/thoi-su/xet-xu-vu-an-dat-vang-sabeco-ong-vu-huy-hoang-bi-de-nghi-10-11-nam-tu-20210424211934897.htm>, truy cập 12/4/2023

¹⁰ Kim Anh, Nguyễn Cúc (2021), *Tuyên án đối với 36 bị cáo trong vụ cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi*, <http://hanoimoi.com.vn/ban-in/phap-dinh/1019206/tuyen-an-doi-voi-36-bi-cao-trong-vu-cao-toc-da-nang---quang-ngai>, truy cập 29/01/2024.

¹¹ Xuân Tùng (2018), *Xét xử nhiều “ông lớn” trong ngành dầu khí, ngân hàng trong năm 2018*, <https://thanhtra.com.vn/phong-chong-tham-nhung/>

⁸ Khoản 9 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

đặt ra câu hỏi về hiệu quả thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch tại các đơn vị này. Tại Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đưa ra đánh giá về kết quả 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX về Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, theo đó nhận định “*cơ chế quản trị doanh nghiệp nhà nước chậm được đổi mới, kém hiệu quả, chưa phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tính công khai, minh bạch còn hạn chế*” đồng thời đưa ra quan điểm chỉ đạo: “*Bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước*”¹². Trước yêu cầu của thực tiễn, định hướng chỉ đạo của Đảng và nhà nước, việc xác định các điểm bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của DNNN để từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện là cần thiết và quan trọng trong thời điểm hiện nay.

2. Những bất cập, hạn chế của pháp luật về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước

2.1. Một số quy định hiện hành về trách nhiệm công khai, minh bạch của doanh nghiệp nhà nước chưa hợp lý, có sự mâu thuẫn, chồng chéo

Mặc dù công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử

dụng ngân sách nhà nước lần đầu tiên được ghi nhận thành nguyên tắc tại Điều 9 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 nhưng trong pháp luật về DNNN, vấn đề công khai đã được đề cập từ khá sớm, ngay tại Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 1995. Theo đó, nhà làm luật quy định trách nhiệm của DNNN phải “*công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của doanh nghiệp*” (khoản 2 Điều 12). Tuy nhiên, trong thời gian tương đối dài, cho đến trước khi ban hành Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 về Quy chế công bố thông tin của công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, việc công khai của DNNN chỉ tập trung vào thông tin tài chính của doanh nghiệp và có sự phân biệt đối xử giữa những đối tượng tiếp nhận thông tin (đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý tài chính, chủ nợ, nhà đầu tư, người lao động, công chúng) về phạm vi thông tin được công khai. Sự ra đời của Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 đánh dấu bước phát triển hoàn thiện hơn của pháp luật khi mở rộng phạm vi công khai thông tin không chỉ về tài chính, mà còn các thông tin quan trọng khác liên quan đến hoạt động của DNNN. Bên cạnh đó, mức độ công khai thông tin cũng được nâng lên khi nội dung thông tin công khai không còn phụ thuộc vào loại đối tượng tiếp nhận. Đồng thời, tính minh bạch được cụ thể hoá bằng yêu cầu về tính chính xác, rõ ràng và đầy đủ của thông tin công khai. Những ưu điểm này tiếp tục được kế thừa, phát triển và đã được luật hoá tại Luật

tin-tuc/Xet-xu-nhieu-ong-lon-trong-nganh-dau-khi-ngan-hang-trong-nam-2018-143152.html truy cập 29/01/2024.

¹² Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Doanh nghiệp năm 2020. Tiếp đó, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp cũng đã dành hẳn một chương quy định cụ thể về nội dung này.

Tuy nhiên, cần nhìn nhận rằng, quy định pháp luật về công khai, minh bạch của DNNN vẫn còn những bất cập, hạn chế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về phạm vi nội dung thông tin công khai

- Có sự phân biệt về mức độ, phạm vi thông tin công khai giữa các loại hình DNNN: Mặc dù Luật Doanh nghiệp năm 2020 có điểm tiến bộ vượt bậc khi trả lại khái niệm “doanh nghiệp nhà nước” về đúng bản chất bằng việc công nhận doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cũng là DNNN (khoản 11 Điều 4), thay vì chỉ công nhận doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ như cách hiểu tại Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tuy nhiên, nhà làm luật lại quy định khác nhau về mức độ yêu cầu nội dung thông tin công bố giữa hai loại doanh nghiệp này, theo hướng tỉ lệ thuận với mức độ nắm giữ vốn của nhà nước tại doanh nghiệp. Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 51% vốn điều lệ không phải công bố hai loại thông tin, bao gồm: 1) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được cơ quan đại diện chủ hữu phê duyệt (thực chất là kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo); 2) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Có thể nhận thấy,

đây là hai loại thông tin quan trọng, là cơ sở giúp công chúng đánh giá được tình hình tài chính, luồng tiền giao dịch và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm. Việc quy định giới hạn nội dung thông tin cần công bố đã hạn chế quyền tiếp cận thông tin của người dân, giảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của DNNN, có thể gây trở ngại và dẫn đến nhiều rủi ro trong mục tiêu bảo toàn vốn nhà nước mà các nhà làm luật hướng tới khi đề cập lại khái niệm DNNN.

Bên cạnh việc phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, hiện nay doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ còn phải thực hiện công khai thông tin phục vụ việc quản lý vốn của nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018). Tuy nhiên, cho đến nay Luật này chưa được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, dẫn đến có sự chồng chéo trong quy định về nội dung thông tin công khai, gây khó khăn cho quá trình thực hiện. Cụ thể, Điều 61 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp yêu cầu DNNN bên cạnh việc báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu thì công khai trên cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp báo cáo tài chính 06 tháng, không bắt buộc phải kiểm toán. Trong khi đó, Điều 109 Luật Doanh nghiệp năm 2020 yêu cầu DNNN phải công bố báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Mặt khác, quy định công khai thông tin trong

việc quản lý vốn của Nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ cũng không được đề cập.

- Cách thức sử dụng thuật ngữ khi quy định về nội dung thông tin cần công bố chưa thật sự phù hợp với mô hình quản trị công ti hiện đại

Xã hội hiện đại luôn hướng tới mục tiêu bảo vệ lợi ích của các chủ thể trong xã hội, vận dụng tối đa nguyên tắc công khai, minh bạch. Các chủ thể trong đó có DNNN đều hướng tới mô hình quản trị hiện đại với yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt chế độ công bố thông tin, nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động. Lịch sử hoạt động các DNNN tại Việt Nam cho thấy, xu hướng quy định tổ chức và hoạt động của DNNN ngày càng gần với quy định về các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác. Điều này không chỉ đảm bảo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp, tính cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường mà còn góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả hoạt động, tránh “lạm dụng” đặc quyền để trục lợi, gây thất thoát tài sản nhà nước. Trong khi đó, cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, các doanh nghiệp trong nền kinh tế đang có xu hướng gia nhập kênh huy động vốn quan trọng này và áp dụng mô hình quản trị hiện đại với tính công khai minh bạch trong hoạt động, thể hiện cụ thể trong chế độ công bố thông tin về hoạt động của doanh nghiệp. Xem xét cách thức sử dụng thuật ngữ khi đề cập các thông tin phải công bố định kì quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp 2020 và được cụ thể hoá tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP thể hiện rõ sự không thống

nhất với cách quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Ví dụ thông tin về “*mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt*”, “*báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm*” của DNNN, thực chất là các nội dung trong báo cáo thường niên của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán. Những phân tích này xuất phát từ nội dung công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC thực chất chi tiết và cao hơn so với yêu cầu chung của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số 47/2021/NĐ-CP vì hướng tới yêu cầu minh bạch của thị trường chứng khoán.

- Quy định không hợp lí về việc yêu cầu DNNN phải định kì công bố các thông tin cơ bản về doanh nghiệp và điều lệ công ti. Lí do bởi đây là những thông tin chỉ có thể công bố khi có sự thay đổi/điều chỉnh. Ví dụ như thông tin tăng/giảm vốn điều lệ, thay đổi trụ sở chính, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ti. Nói cách khác, những thông tin này thuộc loại công bố bất thường, không thể định kì. Có lẽ đây cũng chính là lí do khiến các nhà làm luật không thể xác định được thời hạn phải thực hiện công bố trong khi các thông tin còn lại tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP đều có quy định thời hạn.

Thứ hai, về thời hạn công khai thông tin

Quy định về thời hạn gửi công bố định kỳ cho từng loại thông tin chưa hợp lí, khó khả thi và không phù hợp với đặc tính của từng loại thông tin công bố. Điều này thể hiện rõ khi xem xét quy định tại khoản 1

Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021, cụ thể:

- Thời hạn công bố thông tin quá dài dẫn đến hạn chế quyền được tiếp cận thông tin một cách kịp thời của công chúng trong khi đây đều là những thông tin quan trọng về hoạt động của doanh nghiệp. Ví dụ: báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm hoặc báo cáo quản trị và cơ cấu tổ chức hàng năm chỉ phải công bố trước ngày 30/6 của năm liền sau. Trong khi đó, trên thực tế, những thông tin có trong nội dung các báo cáo này đều có thể được xác định từ sớm, song hành cùng với việc xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm; hoặc thời hạn công bố báo cáo tài chính hàng năm kéo dài đến 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính trong khi việc hoàn thành kiểm toán báo cáo này thường kết thúc sớm hơn khá nhiều. Hiện nay, các doanh nghiệp là công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán phải công bố báo cáo này trong thời hạn tối đa 90 ngày.

- Thời hạn công bố báo cáo tài chính giữa năm quá ngắn (trước ngày 31/7 hằng năm). Thời hạn 30 ngày có nhiều khả năng không đủ để tổ chức kiểm toán hoàn thành công tác kiểm toán, đặc biệt các DNNN có quy mô lớn, số liệu tài chính phức tạp, phát sinh nhiều nghiệp vụ hoặc có nhiều công ty con, công ty liên kết.

2.2. Trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước chưa được quy định rõ

Bên cạnh vấn đề công khai, minh bạch thì trách nhiệm giải trình là yếu tố quan trọng, góp phần thúc đẩy quá trình công khai, minh bạch. Khái niệm “trách nhiệm

giải trình” lần đầu tiên được định nghĩa tại Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tuy nhiên, pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của DNNN đã đề cập trách nhiệm giải trình từ khá lâu, thông qua quy định về trách nhiệm trả lời chất vấn (là một hình thức của giải trình) của DNNN đối với các thông tin công khai. Cụ thể, mục II.5 Thông tư số 73-TC/TCDN ngày 12/11/1996 đã quy định: *“Hội đồng quản trị, giám đốc (đối với những DNNN không có hội đồng quản trị) có nhiệm vụ làm sáng tỏ những thắc mắc, chất vấn đối với các chỉ tiêu đã công bố công khai và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của báo cáo tài chính hoặc các thông tin đã công khai”*. Nội dung này được các nhà làm luật quy định ngày càng rõ ràng, cụ thể qua việc ban hành lần lượt các văn bản pháp luật thay thế nhau, từ Thông tư số 73-TC/TCDN ngày 12/11/1996 đến Thông tư số 65/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999, Thông tư số 29/2005/TT-BTC ngày 14/4/2005 và cuối cùng là Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013. Tuy nhiên, từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 về Quy chế công bố thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đến nay, vấn đề trách nhiệm trả lời chất vấn của DNNN lại không được đề cập. Pháp luật doanh nghiệp cũng không có quy định về trách nhiệm giải trình của DNNN. Các chủ thể có liên quan phải áp dụng quy định chung về trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019. Có thể nói, đây là bước thụt lùi trong quy định pháp luật về trách nhiệm giải trình của DNNN. Việc áp dụng quy định chung cho những trường hợp riêng không chỉ gây khó khăn cho các chủ thể thực hiện mà còn không bao quát hết các điểm đặc thù của trường hợp riêng đó. Về bản chất, DNNN là một tổ chức kinh tế, thực hiện hoạt động kinh doanh. Ngoài việc thực hiện trách nhiệm giải trình một cách “bị động” theo yêu cầu của những chủ thể có quyền luật định, DNNN cũng cần phải thực hiện giải trình một cách chủ động trong những trường hợp xét thấy cần thiết vì lợi ích của chính doanh nghiệp. Pháp luật về DNNN đang có khoảng trống các quy định này.

Xem xét quy định chung về trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cũng cho thấy nhiều bất cập. Ngay tại Luật Phòng, chống tham nhũng, khái niệm “trách nhiệm giải trình” không được quy định một cách chuẩn xác. Nhà làm luật chỉ định nghĩa khái niệm “giải trình” mà không đưa ra khái niệm “trách nhiệm” đi kèm phía trước trong cụm từ “trách nhiệm giải trình”, mà không phải là “nghĩa vụ”. Trong khi đó, về bản chất, trách nhiệm giải trình được cấu thành bởi hai thành phần cơ bản là sự giải trình và sự chịu trách nhiệm. Sự chịu trách nhiệm không chỉ đề cập nghĩa vụ giải thích cho các quyết định, hành vi của mình mà còn bao gồm cả việc phải chịu các chế tài xử phạt nếu vi phạm. Bên cạnh đó, các quy định chủ yếu hướng đến trách nhiệm giải trình bị động, theo yêu cầu của các đối tượng luật định mà

hầu như không đề cập trách nhiệm giải trình chủ động từ chính bản thân đối tượng có trách nhiệm giải trình.

2.3. Chế tài xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước chưa đảm bảo tính răn đe cũng như không bao quát hết các hành vi vi phạm

Điểm đặc thù trong việc áp dụng chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm về công khai, minh bạch của DNNN là đối tượng áp dụng bao gồm cả các cá nhân là người quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cụ thể:

- Người đứng đầu DNNN có vi phạm trong việc thực hiện công khai, minh bạch sẽ bị xử lý kỉ luật cảnh cáo theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 hướng dẫn Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp bị cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá, xếp loại nếu DNNN đó vi phạm quy định về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021.

Mục đích của quy định nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cá nhân nêu trên, qua đó tăng cường tính công khai, minh bạch cho hoạt động của các DNNN.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chỉ có một điều khoản quy định về chế tài xử phạt đối với DNNN vi phạm quy định về công khai, minh bạch, mà cụ thể hơn là vi phạm quy định về công bố thông tin theo quy định của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Tại Điều 61 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày

28/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, nhà làm luật xác định 07 loại hành vi vi phạm về công bố thông tin của DNNN với chế tài xử phạt tiền tối thiểu là 30.000.000 đồng và tối đa là 70.000.000 đồng kèm theo biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm. Các hành vi vi phạm bao gồm:

1) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin theo quy định.

2) Có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật nhưng không thông báo với cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước hoặc không công khai trên cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

3) Thực hiện công bố thông tin qua người được uỷ quyền công bố thông tin nhưng không gửi thông báo uỷ quyền tới cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4) Tạm hoãn công bố thông tin nhưng không báo cáo lý do của việc tạm hoãn hoặc không gửi thông báo đề nghị tạm hoãn công bố thông tin cho cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

5) Không lập trang thông tin điện tử của doanh nghiệp theo quy định.

6) Không xây dựng Quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định.

7) Không công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp các thông tin công bố định kì và bất thường theo quy định.

Từ các quy định trên, có thể nhận thấy một số điểm hạn chế như sau:

Thứ nhất, một số hành vi vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin bị bỏ sót. Ví dụ như: hành vi không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức hoặc ngôn ngữ công bố thông tin; hành vi không lưu giữ thông tin công bố theo quy định; hành vi công bố thông tin sai lệch; hành vi tạo dựng thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin.

Thứ hai, chế tài xử phạt chưa đủ tính răn đe, thể hiện ở ba khía cạnh:

- Nhà làm luật chưa phân loại cụ thể mức độ và tính chất của hành vi vi phạm để áp dụng chế tài phù hợp. Điển hình là quy định ba hành vi “không thực hiện”, “thực hiện không đầy đủ” và “không đúng hạn” đều bị chung mức xử phạt từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong khi tính chất và mức độ của hành vi “không thực hiện” cao hơn nhiều so với hai hành vi còn lại.

- Chỉ quy định hai khung hình phạt tiền, (từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng) trong khi các hành vi vi phạm thuộc nhiều nhóm khác nhau về tính chất và mức độ.

- Mức tiền phạt tối đa quá thấp (chỉ 70.000.000 đồng), không tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả phát sinh của một số hành vi vi phạm.

Thứ ba, pháp luật hiện hành còn thiếu vắng quy định về xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm giải trình. Điều này có thể lý giải phần lớn nguyên nhân đến từ thực trạng pháp luật về doanh nghiệp không có quy định cụ thể về trách nhiệm giải trình của DNNN.

3. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam

3.1. Cần hoàn thiện quy định về phạm vi nội dung công khai của doanh nghiệp nhà nước

- Cần quy định mở rộng phạm vi nội dung công khai đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như đối với doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Theo đó, cần bổ sung quy định yêu cầu loại DNNN này cũng phải công bố hai loại thông tin liên quan trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kế hoạch kinh doanh hàng năm và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Mặc dù mức độ sở hữu của Nhà nước tại hai loại doanh nghiệp là khác nhau với cách thức tổ chức quản trị khác nhau tương ứng, song mức độ yêu cầu về tính công khai minh bạch phải như nhau để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả hơn việc sử dụng vốn nhà nước. Điều này càng cần thiết và phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn hiện nay trong bối cảnh xảy ra hàng loạt các vụ án gây thất thoát tài sản nhà nước tại các DNNN. Mặt khác, việc Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ đã bảo đảm quyền chi phối trực tiếp việc ra các quyết định thông thường (chỉ yêu cầu tỉ lệ trên 50%) và chi phối gián tiếp (phủ quyết) việc ra một số quyết định khác (yêu cầu tỉ lệ 65%) của doanh nghiệp. Do vậy, việc yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ quy định về phạm vi thông tin công khai như đối với doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ hoàn toàn hợp lý.

Bên cạnh đó, nhà làm luật cũng cần sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 cho thống nhất với Luật Doanh nghiệp năm 2020 trong khái niệm về “doanh nghiệp nhà nước”. Từ đó, bổ sung quy định về trách nhiệm công khai, minh bạch của loại hình doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Cần chuẩn hoá cách thức quy định về phạm vi nội dung công khai quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Về vấn đề này, nhà làm luật nên tham khảo quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán về công bố thông tin dành cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết, được coi là quy chuẩn cho mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, bao gồm cả việc xác định lại phạm vi các thông tin thuộc loại công bố định kỳ hay bất thường và các mẫu biểu báo cáo sử dụng. Để phù hợp với đặc thù trong hoạt động của DNNN, nhà làm luật có thể bổ sung một số thông tin riêng biệt vào các mẫu biểu. Sự áp dụng thống nhất này tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNN trong việc triển khai thực hiện, đặc biệt đối với những doanh nghiệp mà nhà nước đang nắm giữ trên 50% vốn điều lệ nhưng đồng thời đã trở thành công ty đại chúng/công ty niêm yết không bị rơi vào tình trạng phải song song áp dụng hai chế độ công bố thông tin khác biệt nhau trong cùng một vấn đề.

- Cần điều chỉnh thời hạn công khai thông tin của DNNN theo hướng phù hợp với tính chất của từng loại thông tin và đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin kịp thời của công chúng. Đối với các báo cáo liên quan đến tình hình hoạt động của DNNN

phải công bố định kì nên áp dụng thời hạn như pháp luật chứng khoán đã quy định cho các doanh nghiệp là công ti đại chúng hoặc công ti niêm yết. Đối với các thông tin bất thường, yêu cầu quy định rút ngắn thời gian phải công bố là 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện thay vì 36 giờ như hiện nay.

3.2. Hoàn thiện một số quy định chung về trách nhiệm giải trình và bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước nhằm đảm bảo tăng cường tính công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả trong hoạt động

Đối với quy định chung về trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, nhà làm luật cần thiết phải hoàn thiện một số nội dung cơ bản sau: *Thứ nhất*, cần định nghĩa lại khái niệm “trách nhiệm giải trình” được đề cập trong Luật Phòng, chống tham nhũng theo hướng làm rõ thành tố “trách nhiệm” trong khái niệm, giúp các chủ thể nhận thức được đầy đủ nghĩa vụ, bổn phận phải thực hiện việc giải trình của mình, góp phần đảm bảo giá trị của các quy định về trách nhiệm giải trình. *Thứ hai*, bổ sung quy định để làm rõ trách nhiệm giải trình chủ động trong trường hợp các chủ thể thấy cần thiết, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm cho chính các chủ thể đối với hoạt động của mình đồng thời góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch. Việc hoàn thiện những quy định nêu trên là cơ sở quan trọng để ban hành những quy định cụ thể hoá về trách nhiệm giải trình của DNNN.

- Cần ban hành văn bản pháp luật riêng nhằm quy định và hướng dẫn DNNN thực hiện trách nhiệm giải trình. Kiến nghị này xuất phát từ sự khác biệt về vị trí của DNNN

so với các chủ thể là các cơ quan, đơn vị cơ sử dụng ngân sách nhà nước. Mặc dù Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP quy định về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm giải trình nhưng chỉ trong phạm vi hướng đến mục tiêu phòng, chống tham nhũng và là quy định chung áp dụng cho các chủ thể là cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. DNNN với tư cách là một tổ chức kinh tế do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối sẽ đòi hỏi đặc thù trong quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình của mình nhằm đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động nhưng cũng không làm cản trở hoạt động kinh doanh của mình. Cũng vì là chủ thể kinh doanh, nguồn vốn thuộc sở hữu nhà nước không phải lúc nào cũng là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Nguồn vốn liên quan đến phần lợi nhuận để lại của các doanh nghiệp nhà nước là ví dụ minh hoạ. Chính vì thế cơ chế giải trình, phạm vi giải trình của doanh nghiệp nhà nước có những điểm khác biệt so với các chủ thể còn lại được đề cập tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. Đặc biệt, văn bản đề xuất ban hành cần quy định trách nhiệm giải trình của DNNN trong các trường hợp theo quy định sẵn có của pháp luật, bên cạnh các trường hợp theo yêu cầu của một số chủ thể luật định. Đây là các trường hợp mà thông tin công bố liên quan trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện sự biến động lớn làm cho hầu hết những người được quyền tiếp cận thông tin đều muốn tìm hiểu nguyên nhân hay lí do gây ra, buộc doanh nghiệp phải chủ động thực hiện giải trình trước trước khi nhận được yêu cầu giải trình. Về vấn đề này,

nhà làm luật nên tham khảo quy định về các trường hợp phải thực hiện giải trình của các công ti niêm yết trên thị trường chứng khoán, bao gồm các trường hợp sau:

1) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính bán niên/năm;

2) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kì năm trước;

3) Lợi nhuận sau thuế trong kì báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kì năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

4) Lợi nhuận sau thuế trong kì báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Quy định về các trường hợp nêu trên cần được ghi nhận thông qua việc bổ sung vào Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình áp dụng của các chủ thể liên quan.

3.3. Xác định đầy đủ hành vi vi phạm quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước, đồng thời tăng chế tài xử lý, đảm bảo tính răn đe của pháp luật

Trước tiên, cần quy định bổ sung chế tài xử phạt cho một số hành vi vi phạm pháp luật về công khai, minh bạch của DNNN còn đang bị bỏ trống. Cụ thể như: hành vi không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức hoặc ngôn ngữ công bố thông tin; hành vi không lưu giữ thông tin công bố theo quy định; hành vi công bố thông tin sai lệch; hoặc hành vi tạo dựng

thông tin sai sự thật hoặc che giấu thông tin. Đặc biệt, cần quy định chế tài xử phạt cho hành vi vi phạm quy định về trách nhiệm giải trình.

Thứ hai, chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về công khai minh bạch của DNNN cũng cần được tăng mạnh theo hướng tỉ lệ thuận với tính chất và mức độ hậu quả gây ra của hành vi vi phạm để đảm bảo tính răn đe của pháp luật. Mức xử phạt tối đa 70.000.000 đồng hiện nay được nhận định là quá thấp để ngăn chặn các chủ thể có ý định thực hiện hành vi vi phạm cũng như khó quy định nhiều loại khung tiền phạt trong điều kiện các hành vi vi phạm có tính chất và mức độ khác nhau.

Kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, việc thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của DNNN không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân mà quan trọng hơn cả, đây chính là giải pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả hoạt động của loại hình doanh nghiệp đặc thù nhưng có vị trí rất quan trọng này. Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của DNNN bắt buộc phải thực hiện trong thời gian sớm để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các DNNN thực hiện và tuân thủ. Chỉ có như vậy mới góp phần hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN đã được đặt ra trong Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Minh Tuấn (2019), “Lí luận cơ bản về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà nước và phòng chống tham nhũng trên thế giới và Việt Nam*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Hoàng Phê (2020), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Viện Ngôn ngữ học.
3. Nguyễn Thị Minh Hà, Hà Thị Hằng (2019), “Pháp luật về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trong*
4. Phạm Duy Nghĩa, *Trách nhiệm giải trình: vươn tới những chuẩn mực của một nền hành chính phục vụ phát triển*, https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/MPP7-542-R06V-Trach%20nhiem%20giai%20trinh_Vuon%20toi%20nhung%20chuan%20muc%20cua%20mot%20nen%20hanh%20chinh%20phuc%20vu%20phat%20trien--Pham%20Duy%20Nghia-2015-07-07-10522148.pdf
5. Nguyễn Văn Tiếc (2013), *Hoàn thiện thể chế về công khai, minh bạch trong quản lí hành chính nhà nước*, https://tcnn.vn/news/detail/4562/Hoan_thien_the_che_ve_cong_khai_minh_bach_trong_quan_ly_hanh_c_hinh_nha_nuocall.html

QUYỀN ĐỐI VỚI BẤT ĐỘNG SẢN LIÊN KÈ VÀ VẤN ĐỀ ĐĂNG KÍ QUYỀN ĐỐI VỚI BẤT ĐỘNG SẢN LIÊN KÈ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY (tiếp theo trang 31)

4. Nguyễn Ngọc Điện (2010), “Hoàn thiện chế độ pháp lí về sở hữu bất động sản trong khung cảnh hội nhập”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 8(169)..
5. Nguyễn Ngọc Điện (2018), *Giáo trình Luật Dân sự tập 1*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Ngọc Điện, *Đăng kí bất động sản tại Việt Nam - Các vấn đề lí luận và thực tiễn*, <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2012/05/01/1-05-2012/>
7. Nguyễn Thanh Thư, Nguyễn Tấn Hoàng Hải (2017), “Mối liên hệ của quyền về lỗi đi qua và các chế định khác theo quy định của BLDS năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013”, *Tạp chí Khoa học pháp lí*, số 05(108).
8. Nguyễn Thị Minh Phượng (2012), “Chế độ pháp lí đối với địa dịch trong pháp luật Việt Nam - Lí luận và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 24
9. Thân Văn Tài (2016), “Thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 2.
10. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản trong BLDS năm 2015”*.